

TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC
CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Số: 1418 /QĐ-CTCP397

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mạo Khê, ngày 01 tháng 07 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026 (GT20) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hoá, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 ngày 01/11/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 1353/QĐ-CTCP397 ngày 24/06/2026 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 “Về việc phê duyệt kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026”;

Căn cứ Dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026 (GT20) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026 do phòng CĐVT lập ngày 26/06/2026;

Căn cứ Tờ trình ngày 29/06/2026 của Phòng CĐVT về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026 (GT20) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 30/06/2026 của Tổ thẩm định dự toán về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026 (GT20) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026.

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cơ điện vận tải Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026 (GT20) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026, với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán:

- Tên hạng mục công việc: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026.

- Tên đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần 397; Địa chỉ: Khu phố Yên Lãng, Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh.

- Giá trị dự toán: **6.380.634.600 đồng.**

Bằng chữ: (Sáu tỷ, ba trăm tám mươi triệu, sáu trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm đồng). Đã bao gồm thuế VAT.

- Đơn vị lập dự toán: Phòng Cơ điện Vận tải.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công cổ phần 397.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026 (GT20).

- Giá trị gói thầu: **6.380.634.600 đồng.**

Bằng chữ: (Sáu tỷ, ba trăm tám mươi triệu, sáu trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm đồng). Đã bao gồm thuế VAT.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công cổ phần 397.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 07 năm 2026.

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 162 ngày.

- Tùy chọn mua thêm: Không.

- Giám sát đấu thầu: Không.

Điều 2. Giao Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

y. 

GIÁM ĐỐC

- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- PGĐ Huyện (c/đ);
- Như điều 2 (t/h);
- Lưu: VT, CĐVT. K04.



Kiều Văn Sính

BẢNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số 4418/QĐ-CTCP 397 ngày 01 tháng 04 năm 2026 của Công ty cổ phần 397)



STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Nguồn vốn	Giá gói thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tuỳ chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt nội dung công việc										
1	Công ty cổ phần 397	Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026 (GT20)	Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2026	Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần 397	6.380.634.600 đồng	Chào hàng cạnh tranh	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	30 ngày	Tháng 07 năm 2026	Theo đơn giá cố định	162 ngày	Không	Không

(Bảng chữ: Sáu tỷ, ba trăm tám mươi triệu, sáu trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm đồng)./.

Phụ lục
BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định phê duyệt số 1418/QĐ-CTCP ngày 01/10/2026 của Công ty cổ phần 397)

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Bạc balie Cos0 740.60D-1000102	Bộ/ xe	2	2.423.000	4.846.000
02	Bạc biên Cos0 740.60D-1000104	Bộ/ xe	2	2.370.000	4.740.000
03	Bạc nhựa gối cầu cân bằng 6520-2918074-01/6520-2918074	Cái	12	680.000	8.160.000
04	Bàn ép côn 430.090.083.118	Cái	3	11.903.000	35.709.000
05	Bánh răng 6520-2502120	Cái	3	8.145.000	24.435.000
06	Bánh răng 6520-2506126	Cái	3	3.860.000	11.580.000
07	Bánh răng láp 53205-2403050	Cái	6	1.845.000	11.070.000
08	Bánh răng vành chậu + quả dứa 6520.2502020-10	Bộ	3	17.600.000	52.800.000
09	Bánh răng vệ tinh 53212-2403054	Cái	12	507.000	6.084.000
10	Bầu phanh lồng kê STR	Cái	15	1.550.000	23.250.000
11	Bầu phanh trước 661-3519310	Cái	10	1.900.000	19.000.000
12	Bi chữ thập các đăng Ø52x133	Vòng	10	941.000	9.410.000
13	Bi chữ thập các đăng Ø57x152/587.42	Vòng	8	945.000	7.560.000
14	Bi moay ơ sau 32220	Vòng	5	1.753.000	8.765.000
15	Bi moay ơ sau 34023 (7723A)	Vòng	5	1.703.000	8.515.000
16	Bi moay ơ trước 30615JR	Vòng	10	1.066.000	10.660.000
17	Bi moay ơ trước 32310JR	Vòng	10	1.029.000	10.290.000
18	Bi tê côn 2-13-30	Cái	6	3.853.000	23.118.000
19	Bi tỷ trực đứng 29910C17	Vòng	25	2.470.000	61.750.000
20	Bình nước phụ 6520-1311010/5320-1311010-30	Cái	3	2.410.000	7.230.000
21	Bộ hơi comple 740.60-1000128-07	Bộ/xe	2	31.050.000	62.100.000
22	Bộ vỏ ốp vi sai cầu 6520-2403016/2403019	Bộ	2	15.003.000	30.006.000
23	Bơm lái thân rời 4310-3407200-01	Cái	6	9.705.000	58.230.000
24	Bơm lái thân liền 4310-3407200-02	Cái	6	14.010.000	84.060.000
25	Ca xoa to 428-33-00022	Cặp	7	35.900.000	251.300.000
26	Ca xoa nhỏ 287-33-00010	Cặp	7	11.805.000	82.635.000
27	Cần dọc trục cơ Cos0 6520-2502020-10	Bộ	3	1.090.000	3.270.000
28	Cần nhỏ vi sai cầu 5320-2403058	Cái	30	117.000	3.510.000
29	Cần to vi sai cầu 5320-2403051	Cái	20	193.000	3.860.000
30	Cánh giảm chấn HD465	Cái	5	18.075.000	90.375.000
31	Cây ba dọc 6520-3414010-11	Cái	2	9.690.000	19.380.000
32	Cây ba dọc 6520-3414009-21	Cái	2	9.683.000	19.366.000
33	Cây các đăng trước 6520-2205011-10	Cái	5	16.095.000	80.475.000
34	Cơ cấu bánh răng truyền động trục trung gian 6520-2502110	Cái	4	9.910.000	39.640.000
35	Còi điện KF-24	Cái	12	3.800.000	45.600.000
36	Con đội xu páp 740-1007184-04	Cái	32	353.000	11.296.000
37	Dây cu roa 6PK2120	Sợi	15	585.000	8.775.000
38	Dây cu roa 6PK2140	Sợi	6	566.000	3.396.000
39	Dây cu roa 6PK2220	Sợi	3	563.000	1.689.000
40	Dây cu roa 6PK2230	Sợi	3	567.000	1.701.000
41	Dây cu roa 6PK2285	Sợi	7	610.000	4.270.000
42	Dây cu roa 6PK2310	Sợi	12	642.000	7.704.000
43	Dây cu roa 10PK1495	Sợi	10	830.000	8.300.000
44	Dây cu roa máy lạnh SWR RECMF 6580	Sợi	15	312.000	4.680.000
45	Dây cu roa máy phát 8PK1315	Sợi	30	610.000	18.300.000
46	Dây cu roa máy phát 8PK1495	Sợi	3	793.000	2.379.000
47	Dây cu roa RECMF 6390	Sợi	20	170.000	3.400.000
48	Dây cu roa SWR RECMF 8390	Sợi	20	310.000	6.200.000
49	Bộ bơm tay+bầu lọc tách nước nhiên liệu 6W.55.259.20	Bộ	1	4.203.000	4.203.000
50	Đề khởi động 5402.3708000-01	Cái	3	12.893.000	38.679.000
51	Đèn pha 24V (thay bóng)	Cái	50	605.000	30.250.000
52	Gioăng 566-40-42822	Cái	20	243.000	4.860.000
53	Gioăng cổ hút Kamaz	Cái	40	230.000	9.200.000
54	Gioăng mặt máy 740.30-1003213	Cái	2	405.000	810.000
55	Gioăng moay ơ sau 07000-15460	Cái	5	560.000	2.800.000
56	Gioăng phốt đại tu 740.50-360	Bộ	2	3.203.000	6.406.000
57	Gối cầu cân bằng 6520-2918070	Cái	5	20.183.000	100.915.000
58	Kim phun nhiên liệu 273.1112010-30	Cái	8	2.005.000	16.040.000
59	Lá côn 142.1601130	Cái	2	3.710.000	7.420.000

60	Lá côn C430L430-1G01-1	Cái	8	4.803.000	38.424.000
61	Lọc dầu nhiên liệu UC-220	Cái	70	205.000	14.350.000
62	Lọc gió động cơ YK3046-F	Cái	16	2.100.000	33.600.000
63	Lọc gió động cơ P622063	Cái	1	1.403.000	1.403.000
64	Lọc tách nước P554685	Cái	5	781.000	3.905.000
65	Lọc thô dầu động cơ 7405-1012040	Cái	60	430.000	25.800.000
66	Lọc tinh dầu động cơ 7405-1017040	Cái	60	560.000	33.600.000
67	Lọc dầu động cơ O-7320 (P502008)	Cái	3	592.000	1.776.000
68	Phin lọc dầu động cơ P502042	Cái	3	555.000	1.665.000
69	Phin lọc dầu động cơ P550065	Bộ	4	434.000	1.736.000
70	Phin lọc dầu động cơ P550777	Cái	5	503.000	2.515.000
71	Phin lọc dầu động cơ P553639	Cái	6	574.000	3.444.000
72	Phin lọc dầu động cơ P556007	Cái	8	451.000	3.608.000
73	Phin lọc dầu động cơ P559000	Cái	18	1.220.000	21.960.000
74	Phin lọc dầu hộp số P502577	Cái	2	1.587.000	3.174.000
75	Phin lọc dầu nhiên liệu P550391	Cái	4	217.000	868.000
76	Phin lọc dầu nhiên liệu P551329	Cái	5	330.000	1.650.000
77	Phin lọc dầu nhiên liệu P553004	Cái	5	193.000	965.000
78	Phin lọc dầu nhiên liệu P557440	Cái	12	406.000	4.872.000
79	Phin lọc dầu nhiên liệu thô P553200	Cái	350	2.033.000	711.550.000
80	Phin lọc dầu nhiên liệu tinh P502480	Cái	150	1.351.000	202.650.000
81	Phin lọc dầu thủy lực P551210	Cái	1	1.350.000	1.350.000
82	Phin lọc gió động cơ P500181	Bộ	1	3.205.000	3.205.000
83	Phin lọc máy lạnh CD-3008	Cái	20	740.000	14.800.000
84	Ly tâm cánh quạt động cơ 020002748/18219-3	Cái	2	10.503.000	21.006.000
85	Mặt bích trục cái cầu 6520-2502036	Cái	5	4.203.000	21.015.000
86	Mặt máy 740.30-1003010/740.30-1003010-02	Cụm	5	7.905.000	39.525.000
87	Máy ép hơi 53205-3509015-02/53205-3509015	Cụm	2	7.010.000	14.020.000
88	Máy nén khí điều hòa 10PA15C	Cái	2	5.943.000	11.886.000
89	Máy nén khí điều hòa 10S15C/24V	Cái	5	9.005.000	45.025.000
90	Máy nén khí điều hòa 7S709/24V	Cái	4	7.210.000	28.840.000
91	Máy phát điện 3142.3771010-10/31423771-20	Cái	5	10.003.000	50.015.000
92	Mô tơ gạt mưa 892.5205100/37.453.107-96	Cái	3	3.853.000	11.559.000
93	Ống gió cao su 569-02-6E131	Cái	1	4.505.000	4.505.000
94	Phốt cầu 80x105x12	Cái	30	260.000	7.800.000
95	Phốt chắn bụi moay ơ sau 568-33-11511	Cái	6	5.903.000	35.418.000
96	Phốt đuôi trục cơ 7406-1005160-02	Cái	3	745.000	2.235.000
97	Phốt moay ơ trước 105x138	Cái	20	190.000	3.800.000
98	Phốt moay ơ trước 569-30-11412	Cái	12	4.710.000	56.520.000
99	Quạt dàn nóng Themoking 12 inch/24V	Cái	8	853.000	6.824.000
100	Rô tuyền ba dọc 180-3414060/3414061	Bộ	4	2.455.000	9.820.000
101	Rô tuyền ba ngang R180-3414062/3414063	Bộ	4	2.705.000	10.820.000
102	Rô tuyền đi số to Kamaz 6520	Cái	10	530.000	5.300.000
103	Tay biên 740.1004045	Cái	8	4.520.000	36.160.000
104	Tiết chế máy phát Я120M1	Cái	5	810.000	4.050.000
105	Tổng côn dưới VG3350	Cái	6	2.540.000	15.240.000
106	Tổng côn trên 5320-1602510-10	Cái	6	2.753.000	16.518.000
107	Trục cái cầu 6520-2502024	Cái	5	7.270.000	36.350.000
108	Trục chữ thập 5320-2403060	Cái	5	1.906.000	9.530.000
109	Trục đứng 6520-3001019	Cái	8	1.810.000	14.480.000
110	Trục giảm chấn HD465	Cái	4	16.010.000	64.040.000
111	Trục lái các đăng sau 6520-3904030/6520-2502201	Cái	3	6.010.000	18.030.000
112	Van điện từ 09070617	Cái	20	980.000	19.600.000
113	Van hơi chuyển tầng hộp số 2880166	Cái	5	4.810.000	24.050.000
114	Vi nét phanh trước Kamaz 6520	Cái	1	1.560.000	1.560.000
115	Vòng bi 6211C3	Vòng	1	1.210.000	1.210.000
116	Vòng bi 6217ZZC3/5K	Vòng	1	1.503.000	1.503.000
117	Vòng bi bánh đà 1180305	Vòng	2	530.000	1.060.000
118	Vòng bi cầu 1042924K1M	Vòng	6	3.310.000	19.860.000
119	Vòng bi cầu 30217	Vòng	4	960.000	3.840.000
120	Vòng bi cầu 30313JR	Vòng	4	1.810.000	7.240.000
121	Vòng bi cầu 32216	Vòng	8	1.810.000	14.480.000
122	Vòng bi cầu 32313	Vòng	4	1.203.000	4.812.000
123	Vòng bi cầu 32315	Vòng	4	1.310.000	5.240.000
124	Vòng bi NTN NJ206EAT2X	Vòng	6	710.000	4.260.000
125	Vòng bi NTN 6304	Vòng	1	630.000	630.000

126	Mặt bích các đăng đầu trục giảm chấn HD465	Cái	5	6.003.000	30.015.000
127	Lọc tách nước PL-420	Cái	10	296.000	2.960.000
128	Vòng bi NTN 6206ZZC3/5K	Vòng	6	240.000	1.440.000
129	Trục cam 740.21-1006015	Cái	2	10.510.000	21.020.000
130	Biển mô cánh quạt 020004351/020002748	Cái	1	13.510.000	13.510.000
131	Cánh quạt 6520-20002750	Cái	2	8.010.000	16.020.000
132	Bu ly tăng dây cu roa tron 1858885	Cái	15	980.000	14.700.000
133	Bi tê côn 343151001051	Cái	3	6.010.000	18.030.000
134	Bi chao GEF70ES-2RS	Vòng	40	1.940.000	77.600.000
135	Bi chao GEK40XS-2RS (LBR)	Vòng	24	1.260.000	30.240.000
136	Bi chao GEK45XS-2RS (LBR)	Vòng	24	1.323.000	31.752.000
137	Đồng hồ tổng hợp 37.003.671-75	Cái	1	2.045.000	2.045.000
138	Vòng bi NTN 6307	Vòng	1	430.000	430.000
139	Vòng bi NTN 6309	Vòng	1	799.000	799.000
140	Dây cu roa động cơ 9720	Sợi	40	1.021.000	40.840.000
141	Vòng đồng tốc 1316304170EU	Cái	3	3.090.000	9.270.000
142	Vòng đồng tốc 1356304022EU	Cái	2	7.703.000	15.406.000
143	Vòng đồng tốc 1356304024EU	Cái	2	4.210.000	8.420.000
144	Vòng đồng tốc 1316304156EU	Cái	3	2.610.000	7.830.000
145	Vòng đồng tốc 1316304162EU	Cái	2	2.410.000	4.820.000
146	Vòng đồng tốc 1316304167EU	Cái	2	4.203.000	8.406.000
147	Vòng đồng tốc 1316304168EU	Cái	3	3.510.000	10.530.000
148	Vòng đồng tốc 1316304159EU	Cái	3	3.510.000	10.530.000
149	Chốt 1297304436	Cái	3	360.000	1.080.000
150	Vòng bi thân a cơ 0750117732	Vòng	1	4.450.000	4.450.000
151	Bánh răng 1315302158EU	Cái	1	6.610.000	6.610.000
152	Vòng đồng tốc 1297304484EU	Cái	1	3.083.000	3.083.000
153	Vòng đồng tốc 1312304027EU	Cái	1	2.760.000	2.760.000
154	Vòng bi hóc a cơ 0750 117 677	Vòng	1	4.410.000	4.410.000
155	Vòng bi 0750 117 678	Vòng	1	2.410.000	2.410.000
156	Vòng bi đuôi trục thứ cấp 0750117232	Vòng	1	4.203.000	4.203.000
157	Trục chữ thập vi sai cài cầu 6520-2506060	Cái	3	2.870.000	8.610.000
158	Bánh răng vi sai cài cầu 6520-2506055-10/53212-2403055	Cái	9	1.110.000	9.990.000
159	Cần vi sai cài cầu 6520-2506058	Cái	10	250.000	2.500.000
160	Bộ vỏ ộp vi sai cài cầu 6520-2506016	Bộ	1	10.010.000	10.010.000
161	Bánh đà 740.30-1005115	Cái	1	18.910.000	18.910.000
162	Bầu phanh trước 960-3519310-10	Cái	10	1.970.000	19.700.000
163	Moay ơ trước 6520-3103015	Cái	2	9.510.000	19.020.000
164	Vành cài đuôi số mạnh 1296 333 050	Cái	2	4.410.000	8.820.000
165	Vành cài số mạnh 1316 233 029	Cái	2	5.730.000	11.460.000
166	Vành lùa số mạnh 1296 333 023	Cái	2	4.403.000	8.806.000
167	Vành thắng tăng chậm 1296 333 045	Cái	4	3.970.000	15.880.000
168	Ruột số mạnh 1313 333 001	Cái	2	4.850.000	9.700.000
169	Bơm thủy lực AH PGP517A0520CD1H3NE6E5B1B1XG562	Cái	1	18.010.000	18.010.000
170	Bộ phốt nâng cần NOK 707-99-67870	Bộ	1	6.110.000	6.110.000
171	Cụm bánh răng dẫn động 6520-2405061	Cụm	2	12.910.000	25.820.000
172	Bộ gioăng phốt đóng mở gầu 707-99-78410	Bộ	3	25.300.000	75.900.000
173	Lọc dầu động cơ JX0818-001	Cái	15	470.000	7.050.000
174	Bộ phốt cần cuốn gầu PC1250-8 707-99-72390	Bộ	5	18.590.000	92.950.000
175	Lọc dầu nhiên liệu L0087-001	Cái	6	520.000	3.120.000
176	Tay giằng cầu hạ 1630-2919012-11	Cái	2	8.903.000	17.806.000
177	Dây curoa 8PK1430	Sợi	2	710.000	1.420.000
178	Phốt đuôi trục cơ 120x150x14	Cái	4	460.000	1.840.000
179	Dây cu roa 6PK2100	Sợi	5	708.000	3.540.000
180	Quang nhíp sau Kamaz	Cái	30	706.000	21.180.000
181	Quang nhíp trước Kamaz 6520	Cái	18	453.000	8.154.000
182	Bộ nhíp sau County 30 (29) chỗ - 10 lá	Bộ	2	7.953.000	15.906.000
183	Bộ nhíp trước County 30 (29) chỗ - 8 lá	Bộ	2	7.560.000	15.120.000
184	Nhíp sau 100x22x1000	Lá	20	1.212.000	24.240.000
185	Nhíp sau 100x22x1150	Lá	20	1.134.000	22.680.000
186	Nhíp sau 100x22x1250	Lá	25	1.218.000	30.450.000
187	Nhíp sau 100x22x1600	Lá	50	1.598.000	79.900.000
188	Nhíp sau 100x22x350	Lá	15	778.000	11.670.000
189	Nhíp sau 100x22x450	Lá	22	640.000	14.080.000
190	Nhíp sau 100x22x550	Lá	20	790.000	15.800.000
191	Nhíp sau 100x22x650	Lá	20	895.000	17.900.000

192	Nhíp sau 100x22x750	Lá	25	945.000	23.625.000
193	Nhíp sau 100x22x850	Lá	20	1.181.000	23.620.000
194	Nhíp trước 90x14x1050	Lá	10	848.000	8.480.000
195	Nhíp trước 90x14x1200	Lá	10	1.063.000	10.630.000
196	Nhíp trước 90x14x1350	Lá	10	998.000	9.980.000
197	Nhíp trước 90x14x1500	Lá	12	1.156.000	13.872.000
198	Nhíp trước 90x14x350	Lá	5	490.000	2.450.000
199	Nhíp trước 90x14x450	Lá	6	573.000	3.438.000
200	Nhíp trước 90x14x600	Lá	10	676.000	6.760.000
201	Nhíp trước 90x14x750	Lá	10	790.000	7.900.000
202	Nhíp trước 90x14x900	Lá	10	829.000	8.290.000
203	Nhíp trước lá số 2; 90x14x1860	Lá	6	1.313.000	7.878.000
204	Nhíp trước lá số 1; 90x14x1870	Lá	8	1.362.000	10.896.000
205	Nhíp trước lá số 3; 90x14x1680	Lá	15	1.135.000	17.025.000
206	Lò xo guốc phanh	Cái	8	123.000	984.000
207	Gas lạnh R-134A	Bình	13	5.190.000	67.470.000
208	Bu lông giăng cầu M20x120 (10.9)	Bộ	60	62.000	3.720.000
209	Bu lông giăng cầu M20x330 (10.9)	Bộ	120	147.000	17.640.000
210	Nhíp cục phía trước Samco 5.2	Bộ	4	7.510.000	30.040.000
211	Nhíp cục phía sau Samco 5.2	Bộ	4	8.010.000	32.040.000
212	Quang nhíp sau Samco 5.2	Cái	4	483.000	1.932.000
213	Bu lông M20L150 (8.8)	Bộ	100	70.000	7.000.000
214	Bu lông M27L280 (12.9)	Bộ	60	220.000	13.200.000
215	Bu lông stan sau kamaz	Bộ	30	100.000	3.000.000
216	Bu lông stan trước kamaz	Bộ	15	63.000	945.000
217	Ê cu đầu trục cài cầu Kamaz	Cái	15	260.000	3.900.000
218	Vòng bi 6312ZZC3/5K	Vòng	10	940.000	9.400.000
219	Bộ ly hợp máy nén khí điều hòa HS15/24V/B1- đường kính 138mm	Bộ	2	2.310.000	4.620.000
220	Bơm dầu động cơ 740.1011010-02	Cái	2	11.510.000	23.020.000
221	Lọc tách nước P550747	Cái	2	660.000	1.320.000
222	Bộ li hợp điện từ của máy nén khí điều hòa ô tô, đường kính 123mm	Bộ	8	1.853.000	14.824.000
223	Vòng bi NTN 6306ZZC3/5K	Vòng	4	460.000	1.840.000
224	Lọc dầu thủy lực P502448	Cái	6	3.010.000	18.060.000
225	Vòng bi NTN 6203ZZCM/5K	Vòng	4	260.000	1.040.000
226	Phin lọc gió trong cabin P500203	Cái	2	1.003.000	2.006.000
227	Bộ phốt nâng cần HST 707-99-67870	Bộ	2	15.010.000	30.020.000
228	Phin lọc dầu nhiên liệu P502484	Cái	5	905.000	4.525.000
229	Má phanh 6520-3501105-51	Cái	80	504.000	40.320.000
230	Máy nén khí 7S508/24V của điều hòa ô tô	Cái	6	4.810.000	28.860.000
231	Máy nén khí 5S508/24v của điều hòa ô tô	Cái	10	4.100.000	41.000.000
232	Hãm bi tê côn	Cái	4	683.000	2.732.000
233	Bộ puli truyền động điện từ 7S709/24V/A1 đường kính 152mm	Bộ	2	2.810.000	5.620.000
234	Bộ puli truyền động điện từ 7S709/24V/8PK đường kính 152mm	Bộ	2	2.910.000	5.820.000
235	Bộ puli truyền động điện từ 7S709/24V/8PK đường kính 125mm	Bộ	2	1.910.000	3.820.000
236	Bộ li hợp điện từ V5/24V/8PK của máy nén khí điều hòa ô tô, đường kính 120mm	Bộ	3	1.803.000	5.409.000
237	Bộ puli 5S508/8PK của điều hòa oto đk 125mm	Bộ	2	1.910.000	3.820.000
238	Mặt bích các đăng 569-13-59860	Cái	1	26.140.000	26.140.000
239	Bầu phanh lốc kê 6520-2918075	Cái	10	1.650.000	16.500.000
240	Dầu lạnh PAG 100HQ	Chai	20	510.000	10.200.000
241	Đèn pha máy xúc 24V	Cái	15	500.000	7.500.000
242	Ống cao su 209-03-41711	Cái	1	4.903.000	4.903.000
243	Vòng bi NTN 6303	Vòng	2	260.000	520.000
244	Bi tê côn 370241/A	Cái	3	4.210.000	12.630.000
245	Giảm chấn ống xả 569-02-88132	Cái	1	15.210.000	15.210.000
246	Cụm khớp lai bơm ben 1015703	Cái	1	7.003.000	7.003.000
247	Phanh hãm 6520-2502142	Cái	5	530.000	2.650.000
248	Giá chân Piston lên ben Kamaz 65201	Cái	2	3.710.000	7.420.000
249	Ống cao su cổ hút gió Kamaz 6520	Cái	2	910.000	1.820.000
250	Vỏ ốp vi sai giảm tốc cạnh 6520-2405024	Bộ	2	14.910.000	29.820.000
251	Gương chiếu hậu 561-54-8A612	cái	2	9.910.000	19.820.000
252	Phin lọc máy lạnh (COOLING 515-3)	Cái	15	213.000	3.195.000
253	Vòng bi hộp số 0735 298 169	Cái	1	4.710.000	4.710.000
254	Bi chà 0735 298 169	Cái	1	3.770.000	3.770.000
255	Đề khởi động 5402.3708000-10	Cái	6	12.900.000	77.400.000
256	Lọc gió động cơ 280x410mm	Bộ	1	1.703.000	1.703.000

257	Máy nén khí 5S507/24V của điều hòa ô tô	Cái	1	3.810.000	3.810.000
258	Phanh hãm bi tê côn	Cái	1	690.000	690.000
259	Phin lọc ga điều hòa 1901099	Cái	1	1.210.000	1.210.000
260	Phốt chắn bụi giảm sóc sau 561-50-61370	Cái	3	3.010.000	9.030.000
261	Tổng côn dưới 11.1602410-40	Cái	1	9.810.000	9.810.000
262	Vành răng 1296 333 023	Cái	1	3.523.000	3.523.000
263	Vành răng 1296 333 045	Cái	1	3.160.000	3.160.000
264	Vành răng 1316 233 029	Cái	1	4.580.000	4.580.000
265	Vòng bi SKF 29326 E	Vòng	2	29.500.000	59.000.000
266	Máy nén khí 7S708/24V	Cái	4	5.883.000	23.532.000
267	Phin lọc ga điều hòa PI0065	Cái	4	1.310.000	5.240.000
268	Vòng bi 2TS2-DF0719 LLX2C	Vòng	4	749.000	2.996.000
269	Phốt tổng côn trên kamaz	Bộ	4	560.000	2.240.000
270	Máy nén khí điều hòa oto hiệu Doowon D97701D3700	Bộ	2	8.500.000	17.000.000
271	Dàn nóng 430x35x25mm	Cái	4	3.010.000	12.040.000
272	Lọc gió động cơ 300x500mm	Cái	1	2.503.000	2.503.000
273	Nhíp bộ Howoo av (90x16x1800)- 10 lá	Bộ	2	12.910.000	25.820.000
274	Phốt 58x80x10	Cái	2	160.000	320.000
275	Bi treo các đăng 70x230mm	Cái	1	3.510.000	3.510.000
276	Đồng hồ đo áp suất model P103, mặt 63mm, thang đo 0 - 10 bar/psi, chân đứng, ren 1/4"NPT.	Cái	1	3.203.000	3.203.000
277	Quạt dàn nóng 24V xe Couty	Cái	2	1.655.000	3.310.000
278	Bulong stan trước M10	Bộ	4	70.000	280.000
279	Quang nhíp trước M16x72x180	Bộ	4	598.000	2.392.000
280	Giàn nóng 600x350x28mm	Cái	4	4.010.000	16.040.000
281	Phin lọc gió động cơ P533230	Cái	4	2.510.000	10.040.000
282	Phin lọc dầu động cơ P550086	Cái	1	792.000	792.000
283	Quạt dàn lạnh kamaz	Cái	2	4.510.000	9.020.000
284	Dây cu roa B630/15A1615	Sợi	4	930.000	3.720.000
285	Lọc gió động cơ P633594	Cái	4	3.260.000	13.040.000
286	Máy phát điện Heli 28V-500W	Cái	2	5.803.000	11.606.000
287	Dàn nóng 900x689x80mm	Cái	2	3.510.000	7.020.000
288	Bát phanh	Cái	2	110.000	220.000
289	Rô tuyen ba ngang Dongfeng	Cái	2	1.660.000	3.320.000
290	Cây các đăng sau 6520-2201011-10	Cái	10	11.000.000	110.000.000
291	Bi tê côn 86CL6089FOK	Cái	10	4.250.000	42.500.000
292	Phin lọc gas AC.118.629	Cái	10	1.789.000	17.890.000
293	Vòng bi máy phát 1180304	Vòng	3	348.000	1.044.000
294	Bi chữ thập các đăng lái Φ28x68	Vòng	2	300.000	600.000
295	Đề 24V/490B-51000-9	Cái	2	10.070.000	20.140.000
296	Phốt chắn bụi 569-40-61660	Cái	100	1.333.000	133.300.000
297	Đĩa côn 411005K100	Cái	1	7.510.000	7.510.000
298	Bi tê côn 414205H510	Cái	1	4.810.000	4.810.000
299	Bàn ép côn 412005H000	Cái	1	9.810.000	9.810.000
	Tổng cộng giá trị trước thuế				5.907.995.000
	Thuế VAT (8%)				472.639.600
	Tổng cộng giá trị sau thuế				6.380.634.600

(Bằng chữ: Sáu tỷ, ba trăm tám mươi triệu, sáu trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm đồng)./.